



Original Article

Students' Perspectives on TikTok's Short-Form Videos: Opportunities and Challenges

Lu Thi Mai Oanh*

VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 24th May 2024

Revised 20th May 2025; Accepted 21st May 2025

Abstract: The rapid development of technology and the Internet, such as the rise of short-form video applications like TikTok, has changed people's lives worldwide, including in Vietnam. Notably, short-form videos' significant impact brings substantial benefits and potential risks (Chen et al., 2020). This study applies flow theory, media dependence theory, and temporal motivation theory, using a questionnaire survey administered to 306 students at a university in Hanoi to examine the relationship between short-form videos on the social networking platform TikTok and student learning outcomes. In terms of positive aspects, TikTok's short-form videos support the development of learning and life skills by providing easy access to knowledge, connecting learning communities, and enabling convenient learning in open environments. On the negative side, they show limitations in motivating and encouraging active learning. Watching many short-form videos continuously over a period of time leads to distraction, reduced concentration, time-wasting, addiction, difficulty stopping, and poor physical health, all of which negatively affect learning. Additionally, the study found statistically significant differences related to gender and daily viewing time, suggesting a complex interplay between these factors and learning outcomes ($p < 0.05$).

Keywords: Short-form video, TikTok, academic performance.

* Corresponding author.

E-mail address: maioanhxhh9@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4977>

Quan điểm của sinh viên về video định dạng ngắn trên nền tảng mạng xã hội TikTok: cơ hội và thách thức

Lữ Thị Mai Oanh*

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 24 tháng 5 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 5 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 5 năm 2025

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và Internet như ứng dụng video định dạng ngắn TikTok đã làm thay đổi đời sống con người trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng. Trong đó, tác động lớn của video định dạng ngắn mang lại cả lợi ích đáng kể và rủi ro tiềm ẩn (Chen và cộng sự., 2020) [1]. Nghiên cứu này vận dụng lý thuyết dòng chảy, lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông, lý thuyết động lực tạm thời và phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi đối với 306 sinh viên một trường đại học ở Hà Nội để làm rõ mối quan hệ giữa video định dạng ngắn trên nền tảng mạng xã hội TikTok và kết quả học tập sinh viên. Xét về chiều cạnh tích cực cho thấy video định dạng ngắn trên TikTok giúp sinh viên phát triển kỹ năng học tập, kỹ năng sống; dễ dàng tiếp cận kiến thức; kết nối cộng đồng học tập; học tập thuận tiện trong không gian mở; song cho thấy hạn chế khi chưa nhấn mạnh đến việc tạo động lực và khuyến khích học tập chủ động. Nghiên cứu đồng thời nhấn mạnh đến các chiều cạnh tiêu cực, xem nhiều video định dạng ngắn liên tục trong một khoảng thời gian đồng thời dẫn đến việc xao nhãng và giảm khả năng tập trung học tập; mất nhiều thời gian; nghiện xem và khó kiểm soát việc dừng xem; sức khỏe thể chất kém ảnh hưởng học tập. Kết quả nghiên cứu thực trạng đồng thời cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê liên quan đến đặc điểm giới tính, thời lượng xem video định dạng ngắn trong ngày với ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến kết quả học tập sinh viên với chỉ số $Sig.<0,05$.

Từ khóa: Video định dạng ngắn, TikTok; kết quả học tập.

1. Mở đầu

Ứng dụng video định dạng ngắn là ứng dụng truyền thông xã hội cho phép người dùng tạo và tải các video dạng ngắn nhằm chia sẻ nhiều loại thông tin khác nhau trên các nền tảng xã hội. Ra đời từ năm 2014, video dạng ngắn được dẫn dắt bởi TikTok (Douyin) đã nhanh chóng chiếm được cảm tình của mọi lứa tuổi (Du và cộng sự., 2020) [2]. Năm 2018, TikTok là ứng dụng di động được người dùng tải xuống nhiều nhất ở Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác, đồng thời nền tảng có sẵn ở hơn 150 quốc gia và hơn 800 triệu người dùng hoạt động hàng tháng (Meola, 2020) [3]. Theo thống kê Sprout

Social (2022) [4], một nửa người dùng mạng xã hội hiện nay quan tâm đến video hơn các nội dung khác; trong đó nhấn mạnh độ dài video ngắn hấp dẫn hơn 2,5 lần so với video dạng dài. Nghiên cứu của Afify (2020) [5] đồng thời nhận thấy video bài giảng có độ dài ngắn có thể mang lại thành tích học tập tốt hơn. Manasrah và cộng sự., (2021) [6] cũng cho kết quả tương tự và nhấn mạnh các video ngắn mang tính giải trí nhiều thông tin hơn. Kuznekoff (2020) [7] đồng thời phản ánh sinh viên có xu hướng quan tâm đến video ngắn; điều này dẫn tới một thực tế là video dạng ngắn đã trở thành loại hình truyền thông xã hội hấp dẫn nhất với 66% người dùng mạng trong năm 2022, tăng mạnh so với thống kê chỉ 50% trong hai năm trước đó.

Cho đến nay, nhiều nghiên cứu đề cập tính tích cực và tiêu cực của TikTok trên nhiều

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: maioanhxhh9@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4977>

chiều cạnh khác nhau. Chẳng hạn, xét chiều cạnh tích cực, nghiên cứu của Lawrence (2020) [8] nhấn mạnh mối tương quan tích cực giữa giải trí và động lực sử dụng mạng xã hội TikTok. Bossen và Kottasz (2020) [9] đồng thời cho thỏa mãn nhu cầu giải trí là động lực chính để sinh viên sử dụng TikTok, bất kể là tiêu dùng thụ động hay chủ động. Nghiên cứu của Farooq (2021) [10] đồng thời nhấn mạnh các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên có thể được phân thành hai nhóm, bao gồm nhóm yếu tố bên trong và nhóm yếu tố bên ngoài sinh viên. Trong đó, video ngắn nằm trong danh mục các tác động bên ngoài. Ali (2019) [11] chỉ ra rằng việc tiếp cận video giáo dục có thể có tác động tích cực đáng kể đối với hoạt động học tập và thành tích của học sinh. Alwan và Khanaifswy (2021) [12] cũng đã nhấn mạnh sức ảnh hưởng tích cực của việc xem video giáo dục trên nền tảng xã hội đối với người học và kết quả học tập.

Xét chiều cạnh tiêu cực, nghiên cứu của Gao và Xiao (2017) [13] nhận thấy việc tiếp tục tiêu thụ các video giải trí ngắn có thể gây ra tác động tiêu cực đối với khả năng học tập và tư duy phản biện của học sinh. Cụ thể, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh việc sinh viên nghiện các video dạng ngắn có thể dẫn đến chất lượng giấc ngủ kém và kiệt sức trong học tập (Chalermchutidej và cộng sự, 2023 [14]; Vansoeterstede và cộng sự, 2023 [15]). Mặt khác, việc xem quá nhiều video dạng ngắn trên nền tảng xã hội nói chung, nền tảng TikTok nói riêng có thể dẫn đến những tác động cụ thể như chứng nghiện internet đối với sự trì hoãn trong học tập (Krivonogova và cộng sự, 2022 [16]; Hongying và Christian, 2023) [17]. Tuy nhiên, cho đến nay, nhiều nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ giữa các dạng nghiện internet khác nhau và sự trì hoãn trong học tập (Hayat và cộng sự, 2020) [18], song vẫn còn rất khiêm tốn trong việc nghiên cứu về ảnh hưởng video dạng ngắn đối với kết quả học tập sinh viên. Bởi vậy, bài viết “*Mối quan hệ của việc xem video định dạng ngắn trên TikTok và kết quả học tập sinh viên*” sẽ góp phần làm rõ ảnh hưởng video dạng ngắn trên TikTok đến kết quả học tập của sinh viên.

2. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Cùng với phương pháp phân tích tài liệu, tổng quan nghiên cứu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng nhằm thu thập dữ liệu từ sinh viên về mối quan hệ video dạng ngắn trên nền tảng TikTok có mối quan hệ như thế nào với kết quả học tập sinh viên. Phiếu khảo sát về video dạng ngắn trên nền tảng TikTok đến kết quả học tập sinh viên là hệ thống các câu hỏi tập trung đặc điểm cá nhân; đặc biệt các câu hỏi về việc sử dụng mạng xã hội nhấn mạnh nền tảng TikTok, cụ thể các video dạng ngắn với và các đặc điểm tích cực, tiêu cực đến kết quả học tập. Để có thể xem xét được các chiều cạnh tích cực, tiêu cực video dạng ngắn với kết quả học tập mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp phi xác suất và trả lời phiếu qua google form. Cuộc khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện trong tháng 4 năm 2024 và có 306 sinh viên phiếu khảo sát đảm bảo tin cậy; trong đó nữ chiếm 88,2% (n=270) và nam chiếm 11,8% (n=36). Nghiên cứu chủ yếu được khảo sát sinh viên năm nhất 96,7% (296); sinh viên năm ba 1,6% (4); sinh viên năm hai 1,3% (4); và sinh viên năm bốn 0,3% (1). Mẫu bao gồm sinh viên thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, trong đó GD1 (Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên) có tỷ lệ cao nhất (54,2%), tiếp theo là GD4 (Giáo dục Tiểu học) (34,3%), GD3 (Khoa học Giáo dục và Khác) (8,5%), và GD2 (Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử và Địa lý) (2,9%). Dữ liệu định lượng từ cuộc khảo sát được thực hiện bằng cách sử dụng phân tích thống kê mô tả và suy luận.

3. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

3.1. Các khái niệm liên quan

Về **khái niệm**, short form video (Video dạng ngắn) là nội dung thể hiện với định dạng video có thời lượng dưới 60 s. Các video dạng ngắn thường có độ dài dưới 15 phút, chủ yếu từ 1 đến 5 phút với chủ đề cụ thể và nội dung ngắn gọn (Yang và cộng sự., 2020) [19].

Về **lý thuyết**, mối quan hệ giữa video định dạng ngắn và kết quả học tập sinh viên được tiếp cận lý thuyết lý thuyết dòng chảy (Flow

Theory), lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông (Media Dependence Theory), lý thuyết động lực tạm thời (Temporal Motivation Theory). Tiếp cận lý thuyết được nghiên cứu sâu rộng nhằm lý giải cho những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực trong việc xem video định dạng ngắn đến kết quả học tập sinh viên.

Về phạm vi nội dung nghiên cứu, cho đến nay, nhiều nghiên cứu đã cho thấy mối liên hệ giữa việc xem video định dạng ngắn trên nền tảng xã hội với những tác động tích cực, tiêu cực đến kết quả học tập sinh viên. Trong nghiên cứu này đồng thời tập trung ảnh hưởng tích cực, tiêu cực theo nhiều chiều cạnh khác nhau. Trên thực tế, video dạng ngắn cho thấy những tác động đáng kể khi mang lại cả lợi ích tích cực và rủi ro tiềm ẩn (Chen và cộng sự, 2020) [1]. Do việc dễ dàng tạo lập các video khiến nội dung không được kiểm soát dẫn đến nhiều video có nội tiêu cực được phổ biến và tác động cảm xúc tiêu cực người dùng, trong đó có nhóm đối tượng sử dụng rộng lớn là sinh viên. Đặc biệt, tổng quan nghiên cứu về những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực video dạng ngắn tới kết quả học tập sinh viên sẽ góp phần làm rõ những chiều cạnh ảnh hưởng cụ thể để từ đó có những gợi mở cho nghiên cứu chuyên sâu.

3.2. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay, nhiều nghiên cứu đã tập trung làm rõ những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của mối quan hệ việc sử dụng video định dạng ngắn trên TikTok và kết quả học tập sinh viên (Wiboolyasarín, K. 2023) [20], (Mosende, 2024) [21], (Khan, 2022) [22], (Zhu và cộng sự, 2022) [23], (Krivonogova và cộng sự, 2022) [16]. Theo đó, các nghiên cứu tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa xem video định dạng ngắn và các vấn đề liên quan khách thể sinh viên (Wiboolyasarín, K. 2023) [20], (Mosende, 2024) [21], (Khan, 2022) [22]; (Chung, 2022) [24], (Zhu và cộng sự, 2022) [23]. Cụ thể, nhiều nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng nhằm cho thấy những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của việc xem video định dạng ngắn nói chung trên các nền tảng mạng xã hội trong đó có TikTok.

Nhiều nghiên cứu xem xét video định dạng ngắn trên TikTok như một công cụ ảnh hưởng tích cực đến học tập sinh viên (Wiboolyasarín, K. 2023) [20], (Mosende, 2024) [21], (Khan, 2022) [22]. Một số nghiên cứu khác sử dụng phương pháp điều tra bảng hỏi về ảnh hưởng tiêu cực của video định dạng ngắn trên nền tảng xã hội (Chung, 2022) [24], (Zhu và cộng sự, 2022) [23], (Liu và cộng sự, 2021) [25], nghiên cứu mối liên hệ giữa chứng nghiện video dạng ngắn và sự trì hoãn trong học tập ở sinh viên (Xie và cộng sự, 2023) [26], khám phá các chứng nghiện ứng dụng video định dạng ngắn (Zhang và cộng sự, 2019) [27].

Nghiên cứu về ảnh hưởng tích cực cho thấy, TikTok hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận, tương tác và cộng tác lớp học cũng như cơ hội học tập trực tuyến. Trên thực tế, trang web chia sẻ video phổ biến này đã gây bão với Gen-Z, vượt xa những người đi trước tạo xu hướng, đặc biệt là Snapchat, Instagram và Facebook (Reindl, 2020) [28]. TikTok đã tạo bước phát triển lớn trong quyết định đầu tư thêm về giáo dục và mang lại nhiều cơ hội hơn cho người dùng (Lunden, 2020) [29]. Chẳng hạn, với ứng dụng giáo dục mới, giáo viên và người học có thể đạt được nhiều lợi ích như #onlineclass được TikTok quảng bá mạnh mẽ như một hashtag nổi bật nhất và tiếp theo là #onlineschool (Literat, 2021) [30]. Đặc biệt, sau đại dịch Covid 19, việc dạy và học ngày càng tăng thách thức sự chú ý của người học đối với video (Revadekar và cộng sự, 2020) [31]. Các video có thời lượng dài khoảng 50 phút thường không hấp dẫn người học và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập (Turan-Özpolat, 2020) [32]. Bởi vậy, nhiều nghiên cứu đã thảo luận về những tác động của thời lượng video đối với việc dạy và học nhằm tối ưu hóa hiệu quả học tập (Afify, 2020) [5]. Afify (2020) [5] nhấn mạnh độ dài video khác nhau (ngắn <6 phút, trung bình 6-12 phút và dài >12 phút) đối với hiệu suất của người học cho thấy video bài giảng ngắn mang lại thành tích học tập tốt hơn. Manasrah và cộng sự. (2021) [6] cũng thu được kết quả tương tự và kết luận rằng các video ngắn mang tính giải trí và nhiều thông tin hơn. Ngoài ra, sinh viên ít tương tác với các video

dài hơn cho thấy video dài kém hấp dẫn hơn và có xu hướng xem các video ngắn (Kuznekoff, 2020) [7]. Mặt khác, hầu hết sinh viên tin rằng TikTok cung cấp nhiều tài nguyên học tập. Điều này giúp mang đến cơ hội phổ biến kiến thức trong các lĩnh vực khoa học một cách khác nhau đảm bảo tính hiệu quả và chính xác. Bằng cách sử dụng thuật toán phân tích dựa trên cơ sở dữ liệu người dùng, các video dạng ngắn không ngừng cung cấp những nội dung hấp dẫn hơn và được cá nhân hóa người dùng (Krivonogova và cộng sự, 2022) [16].

Nghiên cứu về ảnh hưởng tiêu cực, nhiều nghiên cứu đồng thời nhấn mạnh ảnh hưởng tiêu cực TikTok đến đời sống và học tập sinh viên. Theo Peng và cộng sự, (2018) [33], các video dạng ngắn thường thu hút vì tốc độ trao đổi thông tin nhanh hơn; song điều này có thể dẫn đến mức độ rối loạn chức năng cao hơn trong sự kiểm soát chú ý. Trong đó, việc kiểm soát sự chú ý lại là điều cần thiết nhằm đảm bảo người học hoàn thành học tập đúng thời hạn. Người học có khả năng kiểm soát sự chú ý cao sẽ thích ứng tốt hơn với những phiền nhiễu và kích thích bên ngoài, dẫn đến việc giảm sự thiên vị chú ý đối với những thông tin không liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập (Ma và cộng sự, 2022) [6]. Đặc biệt, do thiết kế công nghệ với các video dạng ngắn dễ dàng tiếp cận, sử dụng của người dùng đã dẫn đến việc gây nghiện, đặc biệt là đối với học sinh và thanh thiếu niên (Wang và cộng sự, 2023) [34]. Chính điều này đã dẫn đến người dùng là nhóm đối tượng sinh viên có thể trải nghiệm sự hài lòng ngay lập tức với phần thưởng giải trí trong một khoảng thời gian tương đối ngắn (Yeh và cộng sự, 2017) [35] thay vì kiểm soát việc xem để dành cho nhiệm vụ học tập. Việc xem nhiều quá mức có thể dẫn đến những vấn đề tâm lý như khả năng mất tập trung, quản lý thời gian kém và giảm thời gian học tập (Hong và cộng sự, 2014) [17], được xem là dấu hiệu nổi bật về chứng nghiện (Gao và cộng sự, 2017) [13].

Có thể thấy, sự phổ biến của nền tảng xã hội TikTok đã mang lại một số lợi ích đáp ứng nhu cầu giải trí; giao tiếp được cải thiện cũng như truy cập nguồn thông tin mở trở nên thuận

tiện hơn. Tuy nhiên, tính chất gây nghiện và khả năng thu hút sự chú ý của người dùng mạng xã hội đồng thời cho thấy tác động tiêu cực đến thói quen học tập và thành tích học tập. Sinh viên sử dụng nền tảng mạng xã hội nói chung, video dạng ngắn trên TikTok nói riêng ngày càng cho thấy mối liên quan đến sự thay đổi trong thói quen học tập; cũng như khả năng tập trung hạn chế trong thời gian học; trì hoãn học tập dẫn đến kết quả học tập thấp. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu ảnh hưởng tích cực, tiêu cực internet nói chung đến kết quả học tập sinh viên; song vẫn còn rất khiêm tốn trong nghiên cứu nhằm xem xét toàn diện mối quan hệ video dạng ngắn trên nền tảng TikTok và kết quả học tập sinh viên. Nghiên cứu “Mối quan hệ của việc xem video định dạng ngắn trên TikTok và kết quả học tập sinh viên” sẽ góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu và gợi mở hướng nghiên cứu chuyên nhằm làm rõ tác động khách quan của video định dạng ngắn trên nền tảng mạng TikTok đến kết quả học tập sinh viên.

3.3. Cách tiếp cận lý thuyết

Cách tiếp cận lý thuyết: nghiên cứu áp dụng lý thuyết dòng chảy (Flow Theory), lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông (Media Dependence Theory), lý thuyết động lực tạm thời (Temporal Motivation Theory) và lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp.

Nghiên cứu áp dụng lý thuyết dòng chảy (flow theory, Csikszentmihalyi, 1975a) [36] nhấn mạnh trạng thái tâm lý được thể hiện qua việc cá nhân thực hiện hành động được “nhúng” theo dòng cảm xúc với sự tập trung rất lớn và tham dự một cách trọn vẹn, cũng như tận hưởng trong quá trình diễn ra. Cụ thể hơn, trải nghiệm dòng chảy nhấn mạnh việc cá nhân hoàn toàn chìm đắm vào một hoạt động nào đó mà bỏ qua trạng thái tâm lý chung khác. Cá nhân hoàn toàn tập trung vào một hoạt động được gọi là dòng chảy (Csikszentmihalyi và LeFevre, 1989) [37]; với tâm trạng thích thú và tập trung (Ghani và Deshpande, 1994) [38]; có thể cho cả trải nghiệm khám phá và giải trí (Huang và Liao, 2017) [39]. Tuy nhiên, trải nghiệm này có thể được lý giải cho cả mục tiêu

hành động tích cực và tiêu cực. Chẳng hạn như, việc thực hiện và đắm chìm vào nhiệm vụ học tập có thể mang lại kết quả cao. Tuy nhiên, ở chiều cạnh tiêu cực, trạng thái tâm lý này có thể dẫn đến mất khả năng tự nhận thức dẫn đến sự méo mó về mặt thời gian và cảm giác nhõm với mức độ khen thưởng nội tại cao (Csikszentmihalyi, 1990) [40]. Cụ thể, việc đắm chìm vào video định dạng ngắn trên TikTok có thể dẫn đến méo mó về thời gian, không kiểm soát được việc dùng xem và với phần thưởng nhận được ngay trong quá trình xem, cũng như các video thu hút không ngừng hiển thị dẫn đến cá nhân bị mất nhiều thời gian cho mục đích giải trí, ảnh hưởng sức khỏe và xao nhãng nhiệm vụ học tập. Do đó, xét ở chiều cạnh tiêu cực, việc trải nghiệm dòng chảy cho những việc không liên quan đến nhiệm vụ được xem là tác động tiêu cực, chẳng hạn như quá trình sử dụng công nghệ thông tin giải trí trên Internet có vấn đề (Argiropoulou và Vlachopanou, 2021) [41]. Nghiên cứu của Kaur và cộng sự, (2016) đồng thời nhấn mạnh trải nghiệm dòng chảy tiêu cực trong việc chìm đắm vào không gian trực tuyến mà không liên quan đến nhiệm vụ phải hoàn thành.

Theo lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông (Media Dependence Theory - MDT) được sử dụng để khái niệm hóa bối cảnh phụ thuộc vào video dạng ngắn. Ball-Rokeach và cộng sự, (1984) [42] khẳng định rằng khán giả, phương tiện thông tin đại chúng và các hệ thống xã hội khác đang ở trong mối quan hệ phụ thuộc có cấu trúc. Do đó, lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông được giải thích từ hai cấp độ quan điểm khác nhau là “cấp vĩ mô” và “cấp vi mô”. Andreassen và cộng sự, (2017) [43] đã thực hiện một nghiên cứu cắt ngang về hành vi sử dụng phương tiện truyền thông quá mức của người dùng phương tiện truyền thông Na Uy. Nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa các biến số nhân khẩu học (ví dụ: thu nhập, giới tính, trình độ học vấn), lòng tự ái, lòng tự trọng và việc sử dụng phương tiện truyền thông quá mức. Kết quả cho thấy trình độ học vấn là một biến quan trọng dự

đoán việc sử dụng phương tiện truyền thông quá mức. Nói cách khác, những người sử dụng phương tiện truyền thông ở Na Uy có trình độ học vấn thấp hơn có nhiều khả năng phụ thuộc nhiều vào phương tiện truyền thông hơn.

Lý thuyết động lực tạm thời (Temporal Motivation Theory) khởi phát trong bối cảnh mong muốn tích hợp nhiều lý thuyết về động lực khác nhau để hiểu rõ hơn về tính phức tạp trong hành vi con người. Được phát triển bởi Steel và König (2006) [44], lý thuyết động lực tạm thời kết hợp các yếu tố cốt lõi của bốn lý thuyết về động lực đã có từ lâu như kinh tế học hình ảnh (Ainslie 1992 [45]; Ainslie và Haslam 1992 [46]), lý thuyết kỳ vọng (Vroom 1964) [47], lý thuyết triển vọng tích lũy (Tversky và Kahneman 1992) [48] và lý thuyết nhu cầu (Murray 1938) [49]. Lý thuyết động lực tạm thời nhấn mạnh động lực có thể được hiểu bởi tác động của kì vọng và giá trị, bị suy yếu do sự chậm trễ, sự khác biệt về phần thưởng và tổn thất (Steel và König, 2006) [44]. Steel và cộng sự (2018) [50] nhấn mạnh rằng động lực thực hiện một hành vi nhất định xuất phát từ ba nguồn kết nối với nhau: giá trị của một nhiệm vụ, khoảng thời gian liên quan đến nhiệm vụ và kỳ vọng đạt được nhiệm vụ đó. Trong nghiên cứu này nhấn mạnh đến ý tưởng về sự kiện ở gần hơn về mặt thời gian sẽ tạo ra ảnh hưởng động lực lớn hơn so với sự kiện trong tương lai xa; đồng thời động lực sẽ tăng lên nếu có phần thưởng hoặc kết quả mong muốn; được thể hiện qua mức độ hài lòng mà một kết quả mang lại (Steel và König 2006) [44]. Cụ thể, con người có xu hướng thích những nhiệm vụ mang lại phần thưởng nhanh hơn khi thời gian có hạn và trì hoãn những nhiệm vụ có phần thưởng xa hơn (Steel, 2007) [51]. Phần thưởng cho nhiệm vụ ngắn hạn có thể nhìn thấy được ngay thông qua việc xem video dạng ngắn cho các mục đích giải trí. TikTok sử dụng các thuật toán phân tích của cơ sở dữ liệu người dùng khổng lồ đã cho phép các ứng dụng video dạng ngắn không ngừng cung cấp nội dung hấp dẫn và được cá nhân hóa (Krivonogova và cộng sự, 2022) [16]; cho kết quả

phần thưởng giải trí trong một khoảng thời gian ngắn (Yeh và cộng sự, 2017) [35].

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng sử dụng Video dạng ngắn trên nền tảng mạng xã hội TikTok của sinh viên

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên đều biết đến video định dạng ngắn trên các nền tảng mạng xã hội khác nhau và mạng TikTok nói riêng 97%. Sinh viên chủ yếu xem các video định dạng ngắn trên nền tảng mạng xã hội TikTok 64,4%; tiếp đến mạng xã hội Facebook 29,4%; youtube 2,6% và các kênh mạng khác 3,6%. Đặc biệt, trung bình mỗi ngày sinh viên dành từ 1 đến dưới 3 giờ chiếm tỉ lệ cao nhất 54,9%; tiếp đến từ 3 đến dưới 5 giờ 20,9%; ít hơn 1 giờ 14,2% và từ 5 giờ trở lên chiếm 10,1%. Chủ đề qua các video định dạng ngắn trên nền tảng mạng xã hội TikTok được sinh viên xem nhiều nhất liên quan đến mục đích giải trí; cập nhật thông tin; mục đích học tập; mục đích mua sắm; và các mục đích khác.

Bảng 1. Trung bình trong ngày thời xem video định dạng ngắn trên TikTok: số lượng và tỉ lệ sinh viên lựa chọn

Thời gian	N	%
1. Ít hơn 1 giờ	43	14,1
2. Từ 1 đến 3 giờ	168	54,9
3. Từ 3 đến 5 giờ	64	20,9
4. Từ trên 5 giờ	31	10,1

Bảng 2. Trung bình trong ngày thời xem video định dạng ngắn trên TikTok: số lượng và tỉ lệ sinh viên lựa chọn

Mục đích xem video định dạng ngắn trên TikTok	N	%
1. Mục đích giải trí	297	97,1
2. Mục đích cập nhật thông tin	268	87,6
3. Mục đích học tập	248	8,1
4. Mục đích mua sắm	227	74,2
5. Mục đích khác	214	69,9

Các nghiên cứu trước đây được thực hiện liên quan đến video dạng ngắn đồng thời cho thấy sự đa dạng trong việc phân loại mục đích xem video định dạng ngắn theo các chiều cạnh nội dung khác nhau, bao gồm những người có ảnh hưởng và đánh giá ngang hàng (M. Haenlein và cộng sự, 2020b), giải trí (Wang, 2020), giáo dục (Moussiades và cộng sự, 2019), phổ biến thông tin phong phú (Darnell và cộng sự, 2017), chia sẻ kiến thức chuyên môn (Lu & Lu, 2019), nguồn cảm hứng (Gao và cộng sự, 2020) và nội dung tiếp thị (quảng cáo, bán hàng và khuyến mãi) (Plessis, 2017). Các tính năng, chức năng và kỹ thuật của nền tảng video ngắn phát trực tiếp cung cấp cho khán giả nội dung video vô tận nhằm đáp ứng nhu cầu tò mò, tâm lý và giải trí của họ, dẫn đến tăng mức độ gắn bó của khán giả.

4.2. Video định dạng ngắn trên TikTok ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập sinh viên

Để tìm hiểu những ảnh hưởng tích cực của video định dạng ngắn trên TikTok đến kết quả học tập, cuộc khảo sát đặt câu hỏi về những đặc điểm tích cực về video ngắn trên Tik có mối liên hệ như thế nào đến kết quả học tập. Sinh viên được đề nghị sử dụng thang Likert để đánh giá mức độ đồng ý ảnh hưởng tích cực từ mức 1 thấp nhất “Rất không đồng ý” đến mức 5 cao nhất “Rất đồng ý”. Khi xét ở chiều cạnh ảnh hưởng tích cực video dạng ngắn trên TikTok và các đặc điểm liên quan đến thúc đẩy kết quả học tập sinh viên được thể hiện thông qua các chiều cạnh về việc dễ dàng trong tiếp cận kiến thức; tiện ích học tập mở, linh hoạt; khuyến khích học tập chủ động; học tập, kĩ năng sống; kết nối cộng đồng học tập và thúc đẩy động lực học tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên “đồng ý”, “rất đồng ý” với ý kiến “Video ngắn trên TikTok giúp phát triển kĩ năng học tập, kĩ năng sống” 68,3% (209); tiếp đến “Video ngắn trên TikTok giúp tôi dễ dàng tiếp cận kiến thức” 63,98% (198); “Video ngắn trên TikTok giúp tôi kết nối cộng đồng học tập chất lượng” 55,3% (169); “Video ngắn trên TikTok giúp tôi có thể học tập mọi lúc, mọi nơi” 51,7% (158); và thấp nhất là “Video ngắn trên TikTok tạo cho tôi động lực học tập” 49%;

“Video ngắn trên TikTok khuyến khích tôi học tập chủ động” 34,9% (169). Đây cũng cho thấy hạn chế rất lớn khi phần lớn việc xem video định dạng ngắn trên TikTok chưa tạo được động lực học tập và khuyến khích học tập chủ động.

Kết quả phân tích điểm trung bình đồng thời cho thấy “Video ngắn trên TikTok giúp phát triển kỹ năng học tập, kỹ năng sống” có điểm trung bình cao nhất với $M = 3,69$ ($SD = 0,80$), tiếp đến là “Video ngắn trên TikTok giúp tôi dễ dàng tiếp cận kiến thức” với $M = 3,65$ ($SD = 0,84$); “Video ngắn trên

TikTok giúp kết nối cộng đồng học tập chất lượng” với $M = 3,45$ ($SD = 0,95$); “Video ngắn trên TikTok giúp có thể học tập mọi lúc, mọi nơi” với $M = 3,41$ ($SD = 0,93$); “Video ngắn trên TikTok tạo động lực học tập” với $M = 3,39$ ($SD = 0,94$) và cuối cùng là “Video ngắn trên TikTok khuyến khích học tập chủ động” với $M = 3,12$ ($SD = 0,91$). Ngoài ra, điểm trung bình chung về ảnh hưởng tích cực video dạng ngắn trên TikTok đến học tập sinh viên cũng được phân tích chung, kết quả cho $M = 3,45$ ($SD = 0,86$).

Bảng 3. Tự đánh giá mức độ đồng ý về ảnh hưởng tích cực video dạng ngắn trên TikTok đến học tập sinh viên: số lượng, tỉ lệ, Mean và SD

Ảnh hưởng tích cực		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Chung	Mean	SD
1. Video ngắn trên TikTok giúp tôi dễ dàng tiếp cận kiến thức	N	9	15	84	165	33	306	3,65	0,84
	%	2,9	4,9	27,5	53,9	10,08	100,0		
2. Video ngắn trên TikTok giúp tôi có thể học tập mọi lúc, mọi nơi	N	13	31	104	133	25	306	3,41	0,93
	%	4,2	10,1	34,0	43,5	8,2	100,0		
3. Video ngắn trên TikTok khuyến khích tôi học tập chủ động	N	15	54	130	94	13	306	3,12	0,91
	%	4,9	17,6	42,5	30,7	4,2	100,0		
4. Video ngắn trên TikTok giúp tôi kết nối cộng đồng học tập chất lượng	N	14	30	93	141	28	306	3,45	0,95
	%	4,6	9,8	30,4	46,1	9,2	100,0		
5. Video ngắn trên TikTok giúp phát triển kỹ năng học tập, kỹ năng sống	N	7	15	75	179	30	306	3,69	0,80
	%	2,3	4,9	24,5	58,5	9,8	100,0		
6. Video ngắn trên TikTok tạo cho tôi động lực học tập	N	12	36	108	121	29	306	3,39	0,94
	%	3,9	11,8	35,3	39,5	9,5	100,0		
Chung	N	9	22	97	151	27	306	3,45	0,86
	%	2,9	7,2	31,7	49,3	8,8	100,0		

So sánh sự khác biệt về mối quan hệ video dạng ngắn với học tập sinh viên theo một số đặc điểm độ tuổi, ngành học, vùng miền cho thấy: không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p > 0,05$. Tuy nhiên, có sự khác biệt có ý nghĩa giữa giới tính và thời gian xem video dạng ngắn trong ngày, cụ thể là sinh viên nữ ($M = 3,59$, $SD = 0,79$) có khuynh hướng xem video dạng

ngắn cao hơn ảnh hưởng đến học tập so với sinh viên nam ($M = 3,13$, $SD = 1,22$), $p < 0,01$. Bên cạnh đó, phân tích Anova cho thấy giá trị $F = 5,040$, $p < 0,01$ nên có sự khác biệt về thời gian xem video dạng ngắn trên nền tảng TikTok về chủ đề giáo dục thúc đẩy tích cực học tập sinh viên.

4.3. Video định dạng ngắn trên TikTok ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập sinh viên

Nghiên cứu về định dạng ngắn trên TikTok không chỉ có ảnh hưởng tích cực mà còn cả chiều cạnh tiêu cực. Kết quả nghiên cứu mối quan hệ tiêu cực video dạng ngắn trên TikTok đến và kết quả học tập sinh viên được phân tích dựa trên các chiều cạnh như xao nhãng và giảm khả năng tập trung học tập; mất nhiều thời gian; nghiện xem và khó kiểm soát việc dừng xem; sức khỏe thể chất kém ảnh hưởng học tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên “đồng ý”, “rất đồng ý” với ý kiến cho rằng “Video ngắn trên TikTok làm tôi dễ bị nghiện khi xem và khó kiểm soát việc dừng xem” 66,7% (204); “Video ngắn trên TikTok làm tôi bị xao nhãng và giảm khả năng tập trung học tập” 63,7% (195); “Video ngắn trên TikTok làm tôi mất nhiều thời gian” 63,4% (194); và thấp nhất “Video ngắn trên TikTok ảnh hưởng đến sức khỏe của tôi dẫn đến ảnh hưởng học

tập” 48,3% (148). Có thể thấy, việc xem nhiều video định dạng ngắn trên TikTok đã cho thấy những ảnh hưởng tiêu cực khi phần lớn sinh viên đều nhấn mạnh chứng nghiện xem, xao nhãng học tập do mất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến sức khỏe dẫn đến ảnh hưởng kết quả học tập.

Kết quả phân tích điểm trung bình đồng thời cho thấy “Video ngắn trên TikTok làm tôi bị xao nhãng và giảm khả năng tập trung học tập” có điểm trung bình cao nhất với $M = 3,69$ ($SD = 0,98$); tiếp theo là “Video ngắn trên TikTok làm tôi mất nhiều thời gian” với $M = 3,68$ ($SD = 1,06$); “Video ngắn trên TikTok ảnh hưởng đến sức khỏe của tôi dẫn đến ảnh hưởng học” với $M = 3,73$ ($SD = 1,07$); và thấp nhất là “Video ngắn trên TikTok làm tôi dễ bị nghiện khi xem và khó kiểm soát việc dừng xem” với $M = 3,38$ ($SD = 1,0$). Ngoài ra, điểm trung bình chung về ảnh hưởng tích cực video dạng ngắn trên TikTok đến học tập sinh viên cũng được phân tích chung, kết quả cho $M = 3,62$ ($SD = 1,03$).

Bảng 4. Tự đánh giá mức độ đồng ý về ảnh hưởng tiêu cực video dạng ngắn trên TikTok đến kết quả học tập sinh viên: số lượng, tỉ lệ, Mean và SD

Ảnh hưởng tiêu cực		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Chung	Mean	SD
1. Video ngắn trên TikTok làm tôi bị xao nhãng và giảm khả năng tập trung học tập	N	12	19	80	135	60	306	3,69	0,98
	%	3,9	6,2	26,1	44,1	19,6	100,0		
2. Video ngắn trên TikTok làm tôi mất nhiều thời gian	N	12	33	67	124	70	306	3,68	1,06
	%	3,9	10,8	21,9	40,5	22,9	100,0		
3. Video ngắn trên TikTok làm tôi dễ bị nghiện khi xem và khó kiểm soát việc dừng xem	N	13	31	58	127	77	306	3,73	1,07
	%	4,2	10,1	19,0	41,5	25,2	100,0		
4. Video ngắn trên TikTok ảnh hưởng đến sức khỏe của tôi dẫn đến ảnh hưởng học tập	N	9	53	96	109	39	306	3,38	1,0
	%	2,9	17,3	31,4	35,6	12,7	100,0		
Chung	N	8	34	63	125	76	306	3,62	1,03
	%	2,6	11,1	20,6	40,8	24,8	100,0		

So sánh sự khác biệt về mối quan hệ video dạng ngắn với học tập sinh viên theo một số đặc điểm độ tuổi, ngành học, vùng miền cho thấy: không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p > 0,05$. Tuy nhiên, có sự khác biệt có ý nghĩa giữa thời gian xem video dạng ngắn trong ngày,

và kết quả học tập sinh viên khi phân tích ANOVA cho thấy giá trị $F=55,013$, $p < 0,00$ nên có sự khác biệt về thời gian xem video dạng ngắn trên nền tảng TikTok ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập sinh viên.

Bảng 5. Tự đánh giá mức độ đồng ý về ảnh hưởng tiêu cực video dạng ngắn trên TikTok đến chiều cạnh khác của sinh viên: số lượng, tỉ lệ, Mean và SD

Ảnh hưởng tiêu cực		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Chung	Mean	SD
1. Video định dạng ngắn trên TikTok làm tôi giảm tương tác xã hội thực tế	N	20	78	86	94	28	306	3,10	1,08
	%	6,5	25,5	28,1	30,7	9,2	100,0		
2. Video ngắn trên TikTok dẫn đến hạn chế năng lực tư duy phản biện	N	20	82	111	74	20	306	2,98	1,01
	%	6,5	26,5	36,3	24,2	6,5	100,0		
3. Video định dạng ngắn trên TikTok có nhiều nội dung không phù hợp với độ tuổi	N	10	31	62	136	67	306	3,72	1,02
	%	3,3	10,1	20,3	44,4	29,1	100,0		
Chung	N						306		
	%						100,0		

5. Thảo luận và kết luận

TikTok đã trở thành ứng dụng phổ biến nhất thế giới (Nur Ilianis Adnan và cộng sự, 2021) [52], không chỉ cung cấp các video đa dạng giải trí mà còn cho phép người dùng toàn quyền truy cập vào định dạng mới gồm các video giáo dục do người dùng chuyên nghiệp trong lĩnh vực tạo ra. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ tích cực và tiêu cực của video dạng ngắn trên nền tảng xã hội TikTok với kết quả học tập sinh viên. Ở chiều cạnh tích cực, video dạng ngắn trên TikTok không chỉ là nguồn kênh cung cấp kiến thức, thuận tiện tiếp cận trong học tập, khuyến khích học tập chủ động, phát triển kỹ năng học tập, thúc đẩy động lực học tập và kết nối cộng đồng học tập chất lượng. Nghiên cứu đồng thời cho thấy mối tương quan tích cực, có ý nghĩa thống kê về giới tính, trung bình thời lượng xem video dạng

ngắn trên nền tảng mạng xã hội TikTok với kết quả học tập sinh viên. Mặt khác, kết quả đồng thời cho thấy cả mối quan hệ tiêu cực của thời lượng xem trung bình các video dạng ngắn trong ngày với kết quả học tập sinh viên. Kết quả phần nào khẳng định cho những yếu tố tích cực trong giáo dục khi các video dạng ngắn trên nền tảng TikTok có thể giúp người học tiếp nhận kiến thức theo cách riêng, hiệu quả và được xem là một diễn đàn quan trọng để giảng dạy, cung cấp tài liệu học thuật và nâng cao sức khỏe xã hội/cảm xúc (Solomon, 2021) [53]. TikTok cung cấp một phương pháp giáo dục mới lạ phù hợp. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đồng thời nhấn mạnh đến các đặc điểm tiêu cực như xao nhãng và giảm khả năng tập trung; mất nhiều thời gian; chứng nghiện xem và ảnh hưởng sức khỏe đến kết quả học tập.

Trong nghiên cứu này đồng thời sử dụng lý thuyết dòng chảy, lý thuyết động lực tạm thời,

Lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông để lý giải ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của video dạng ngắn đến kết quả học tập sinh viên. Trong nghiên cứu này nhận thấy, trung bình thời lượng xem video dạng ngắn trên nền tảng TikTok có mối quan hệ tích cực, tiêu cực với kết quả học tập sinh viên. Lý giải điều này cho thấy, tùy thuộc vào chủ đề xem video dạng ngắn và thời lượng xem có thể dẫn đến những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực kết quả học tập. Tuy nhiên, việc dành nhiều thời gian xem video dạng ngắn trong ngày có thể ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn so với tính tích cực. Cụ thể, video dạng ngắn có thể gây nghiện và làm xao nhãng học tập cũng như khó kiểm soát việc dừng xem. Điều này đồng thời được lý giải thêm bởi các nghiên cứu trước đây khi video ngắn trở thành một vấn đề xã hội nổi bật, lan rộng khắp các trường học trên thế giới, tỉ lệ xem các video ngày càng tăng dẫn đến sinh viên nghiện các video ngắn ảnh hưởng đến kết quả học tập cũng như có những tác động tiêu cực đối với xã hội (Guo và cộng sự, 2022) [54]. Mặt khác, tính giải trí và sự hấp dẫn của chúng có thể khiến người dùng dễ mất cảm giác về thời gian (Ye và cộng sự, 2022) [55].

Tiếp cận lý thuyết dòng chảy đồng thời nhấn mạnh việc cá nhân đắm chìm trên mạng như liên tục xem video định dạng ngắn trên nền tảng TikTok trong một khoảng thời gian dài có nhiều khả năng phát triển các hành vi gây nghiện (Salehan và Negahban, 2013) [56]; cũng như các vấn đề sức khỏe như chứng lo âu, trầm cảm và các vấn đề tâm lý khác (Fumero và cộng sự, 2018) [57]. Cá nhân có xu hướng trì hoãn trực tuyến nhiều hơn thường có khả năng phải gánh chịu những hậu quả tiêu cực hơn (Hernandez và cộng sự, 2019) [58]. Tiếp cận Lý thuyết ảo tưởng kiểm soát (illusion of control theory), lý thuyết dòng chảy đồng thời giải thích những người trì hoãn có xu hướng thích sử dụng internet hơn là học tập bởi việc sử dụng nó trong trải nghiệm dòng chảy sẽ thú vị hơn (Thatcher và cộng sự, 2008) [59]; bởi đây là những phần thưởng ngắn hạn thúc đẩy người xem video trên TikTok không kiểm soát được việc ngừng xem.

Nghiên cứu đồng thời tiếp cận lý thuyết động lực tạm thời nhằm lý giải con người nói chung, đối tượng sinh viên nói riêng có xu hướng thích những nhiệm vụ mang lại phần thưởng nhanh hơn khi thời gian có hạn và trì hoãn những nhiệm vụ có phần thưởng xa hơn (Steel, 2007) [51]. Việc dành nhiều thời gian xem video dạng ngắn trên các nền tảng xã hội nói chung, mạng xã hội TikTok nói riêng có thể dẫn đến trạng thái văng vẳng, lo lắng và thể hiện hành động bên ngoài là không hoàn thành nhiệm vụ học tập (Caroline và cộng sự, 2010) [60]. Theo đó, sự trì hoãn trong học tập là một trong những vấn đề tiêu cực cản trở sự thành công trong học tập. Đặc biệt, việc trì hoãn học tập trong khoảng thời gian dài không chỉ cản trở thành tích học tập sinh viên (Bytamar và cộng sự, 2020) [61], mà còn ngăn cản việc điều chỉnh cảm xúc một tích cực và đạt được cảm giác thỏa mãn (Balkis, 2013) [62].

Có thể thấy, với sự phát triển không ngừng của công nghệ, nền tảng video định dạng ngắn đã trở nên phổ biến trên mạng xã hội nhờ nội dung ngắn gọn và dễ dàng tiếp cận với mọi người, đặc biệt đối tượng sinh viên. Tuy nhiên, dựa vào chủ đề, nội dung tiếp cận; thời lượng trung bình xem video định dạng ngắn mỗi ngày có thể ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến kết quả học tập của sinh viên. Bởi vậy, sinh viên cần lựa chọn chủ đề học tập phù hợp; tìm kiếm những video có nội dung phù hợp với lứa tuổi, nội dung học tập, cập nhật kiến thức mới; và phân bổ thời gian hợp lý cho các nhu cầu xem video định dạng ngắn vì mục đích giải trí khác.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã phân nào làm sáng tỏ những tác động tích cực, tiêu cực về mối liên hệ giữa việc sử dụng video định dạng ngắn trên TikTok và kết quả học tập sinh viên. Ở chiều cạnh tích cực, video ngắn giúp sinh viên phát triển kỹ năng học tập, kỹ năng sống; giúp dễ dàng tiếp cận kiến thức và kết nối cộng đồng học tập chất lượng; học tập mọi lúc, mọi nơi; song chưa nhấn mạnh đến động lực học tập và khuyến khích sinh viên học tập chủ động. Đây cũng là hạn chế khi sinh viên chưa được tạo động lực

học tập và khuyến khích học tập thông qua nền tảng này vẫn còn chiếm tỉ lệ khá cao. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu đồng thời nhấn mạnh đến những ảnh hưởng tiêu cực khi phần lớn sinh viên nhấn mạnh việc xem video ngắn trên TikTok dẫn đến chứng nghiện xem, khó kiểm soát việc xem và mất nhiều thời gian cho việc xem dẫn đến xao nhãng trong học tập; cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của sinh viên.

Về mặt lý thuyết, nghiên cứu đồng thời áp dụng lý thuyết dòng chảy; lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông; và lý thuyết động lực tạm thời nhằm lý giải cho động cơ xem video định dạng ngắn trên TikTok trên TikTok ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến kết quả học tập của sinh viên. Trên thực tế, việc ứng dụng video định dạng ngắn liên quan đến học tập và nhiệm vụ học tập có thể mang lại những yếu tố tích cực, giúp đạt phần thưởng là kết quả học tập cao. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đồng thời cho thấy những ảnh hưởng tiêu cực dường như được thể hiện mạnh mẽ hơn khi phần lớn sinh viên nhấn mạnh đến chứng nghiện xem, khó kiểm soát thời gian và xao nhãng, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần dẫn đến kết quả học tập thấp. Lý thuyết dòng chảy nhấn mạnh việc chìm đắm trong việc xem dẫn đến việc phụ thuộc vào nền tảng mạng xã hội (lý thuyết phụ thuộc vào phương tiện truyền thông); và có những phần thưởng trong quá trình xem (lý thuyết động lực tạm thời) dẫn đến việc sinh viên dường như bị hấp dẫn vào các ứng dụng nói chung, TikTok nói riêng với phần thưởng video ngắn cho mục đích giải trí. Tuy nhiên, các phát hiện trong nghiên cứu chủ yếu dừng lại ở việc nghiên cứu mô tả, suy luận dựa trên kết quả mang tính thăm dò cho những gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo. Nghiên cứu về mối quan hệ tích cực, tiêu cực của việc xem video trên TikTok cần được mở rộng phạm vi nghiên cứu và nhiều cạnh khác nhau như so sánh với các nền tảng mạng xã hội khác; tiếp cận đa dạng ở tác động khác ngoài thời gian thì việc nhận thức của sinh viên, chủ đề tiếp cận, bối cảnh không gian, đặc điểm nhân khẩu học mẫu nghiên cứu. Đồng thời cần áp dụng các không gian nghiên cứu (không gian mạng

TikTok), phân tích dữ liệu từ chính nền tảng mạng TikTok, phân tích tính phức hợp dữ liệu định lượng kết hợp nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu, phân tích các trường hợp điển hình,...) để từ đó có đánh giá toàn diện và khách quan những ảnh hưởng của video định dạng ngắn trên TikTok đến kết quả học tập (thói quen, kết quả học tập,...); cũng như đời sống sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- [1] I. H. Chen, C. Strong, Y. C. Lin, M. C. Tsai, H. Leung, C. Y. Lin et al., Time Invariance of Three Ultra-brief Internet-related Instruments: Smartphone Applicationbased Addiction Scale (SABAS), Bergen Social Media Addiction Scale (BSMAS), and the Nine-item Internet Gaming Disorder Scale-short Form (IGDS-SF9) (Study Bart B). *Addict. Behav.*, Vol. 101, 2020, pp. 105960, <https://doi.org/10.1016/j.addbeh.2019.04.018>, 2020.
- [2] X. Du, T. Liechty, C. A. Santos, J. Park, I Want to Record and Share My Wonderful Journey: Chinese Millennials' Production and Sharing of Short-Form Travel Videos on Tiktok or Douyin. *Curr. Issues Tour*, 2020, pp. 1-13, <https://doi.org/10.1080/13683500.2020.1810212> [Epub ahead of print], 2020.
- [3] Meola, Analyzing TikTok User Growth and Us Age Patterns in 2020, *Business Insider*, 2020.
- [4] Sprout Social, 8 Ways Your Brand Can Leverage Short-Form Video, <https://sproutsocial.com/insights/short-form-video/>, 2022 ((accessed on: May 20th, 2022).
- [5] M. K. Afify, Effect of Interactive Video Length within E-Learning Environments on Cognitive Load, Cognitive Achievement and Retention of Learning. *Turkish Online Journal of Distance Education*, Vol. 21, No. 4, 2020, pp. 68-89.
- [6] A. Manasrah, M. Masoud, Y. Jarada, Short Videos, Or Long Videos? A Study on the Ideal Video Length in Online Learning, Paper Presented at 2021 International Conference on Information Technology (ICIT), Amman, Jordan, 2021, pp. 14-15.
- [7] J. H. Kuznekoff, Online Video Lectures: The Relationship Between Student Viewing Behaviors, Learning, and Engagement. *Assoc Univ Region Campus Ohio*, Vol. 26, 2020, pp. 33-55.
- [8] A. Lawrence, Uses and Gratifications Exploratory Study of Tiktok: What does This Mean for

- Brands? Master's Thesis, University of Edinburgh, 2020.
- [9] C. B. Bossen, R. Kottasz, Uses and Gratifications Sought by Pre-Adolescent and Adolescent Tiktok Consumers, *Young Consumers*, Vol. 21, No. 4, 2020, pp. 463-478, <https://doi.org/10.1108/YC-07-2020-1186>.
- [10] M. S. Farooq, A. H. Chaudhry, M. Shafiq, G. Berhanu G, Factors Affecting Students' Quality of Academic Performance: A Case of Secondary School Level, *Journal of Quality and Technology Management*, Vol. 7, 2011, pp. 1-14.
- [11] S. Ali, Impacts of Watching Videos on Academic Performance at University Level, *European Journal of Education Studies*, 2019.
- [12] A. J. Alwan, L. A. N. Abd Al Khanaif sawy, The impact of Youtube on Iraqi EFL Learner's Academic Achievements in the Islamic University of Diwaihah: A Critical Essay, *International Journal of Research in Social Sciences and Humanities*, 2021.
- [13] W. Gao, Z. Liu, J. Li, How Does Social Presence Influence Sns Addiction? A Belongingness Theory Perspective, *Comp. Hum. Behav.*, Vol. 77, 2017, pp. 347-355, <https://doi.org/10.1016/j.chb.2017.09.002>.
- [14] W. Chalermchutidej, B. Manaboriboon, G. Sanpawitayakul, S. Theppiban, S. I. Iw, Sleep, Social Media Use and Mental Health In Female Adolescents Aged 12 to 18 Years Old During the COVID-19 Pandemic. *BMC Pediatr*, Vol. 23, 2023, pp. 398, <https://doi.org/10.1186/s12887-023-04218-4>.
- [15] A. Vansoeterstede, E. Cappe, J. Lichtle, E. Boujut, A Systematic Review of Longitudinal Changes in School Burnout Among Adolescents: Trajectories, Predictors, And Outcomes, *J. Adolesc.*, Vol. 95, 2023, pp. 224-247, <https://doi.org/10.1002/jad.12121>.
- [16] O. Krivonogova, E. Krivonogova, L. Poskotinova, L. Time Estimation or Autonomic Heart Rate Regulation: Which Mechanism is More Sensitive in The Development of Internet Addiction in Adolescents? *Int. J. Environ. Res. Public Health*, Vol. 19, 2022, pp. 11977, <https://doi.org/10.3390/ijerph191911977>, 2022.
- [17] Z. Hongying, W. Christian, How Tiktok Leads Users to Flow Experience: Investigating The Effects of Technology Affordances with User Experience Level and Video Length as Moderators, *Internet Res*, 2023, pp. 33.
- [18] A. Hayat, J. Kojuri, M. Amini, Academic Procrastination of Medical Students: The Role of Internet Addictio, *J. Adv. Med. Educ. Prof*, Vol. 8, 2020, pp. 83-89, <https://doi.org/10.30476/JAMP.2020.85000.1159>.
- [19] Y. Yang, Understanding Young Adults' Tiktok Usage, Undergraduate Honors Thesis, University of California San Diego, 2020.
- [20] K. Wiboolyasarin, Factor Analysis of Digital Storytelling on Tiktok Affected to Media Exposure and Utilization During the COVID-19 Pandemic, *Journal of Language and Culture*, Vol. 42, No. 1, 2023, pp. 156-177.
- [21] K. Mosende, S. D. Ada, A. Redita, Tiktok'S Edutok: A Learning Tool for Grammar, *Journal of Translation, Linguistics and Literature*, Vol. 1, No. 1, 2024, pp. 14-29.
- [22] Y. Khan, Tiktok as a Learning Tool for Archaeology, *Advances in Archaeological Practice*, Vol. 10, No. 4, 2022, pp. 452-457.
- [23] J. Zhu, H. Yuan, Q. Zhang, P. H. Huang, Y. Wang, S. Duan, P. Song, The Impact of Short Videos on Student Performance in an Online-Flipped College Engineering Course, *Humanities and Social Sciences Communications*, Vol. 9, No. 1, 2022, pp. 1-10.
- [24] D. Chung, Short-Form Video App Dependency: The Role of Neuroticism, Lower Life Satisfaction, and Fear of Missing Out. *International Journal of Marketing, Communication and New Media*, Vol. 10, No. 18, 2022, pp. 115-127.
- [25] Y. Liu, X. Ni, G. Niu, Perceived Stress and Short-Form Video Application Addiction: A Moderated Mediation Model. *Frontiers in Psychology*, Vol. 12, 2021, pp. 747656.
- [26] J. Xie, X. Xu, Y. Zhang, Y. Tan, D. Wu, M. Shi, H. Huang, The Effect of Short-Form Video Addiction on Undergraduates' Academic Procrastination: A Moderated Mediation Model, *Frontiers in Psychology*, Vol. 14, 2023, pp. 1298361.
- [27] X. Zhang, Y. Wu, S. Liu, Exploring Short-Form Video Application Addiction: Socio-Technical and Attachment Perspectives, *Telematics and Informatics*, Vol. 42, 2019, pp. 101243.
- [28] A. Reindl, How Tiktok Became an Educational Tool, *BELatina*, 2020.
- [29] I. Lunden, Lunden, Tiktok Tests a Learn Tab to Showcase Education and How-To Videos, *Extra Crunch*, 2020.
- [30] L. Literat, Teachers Act Like We'Re Robots: Tiktok As a Window Into Youth Experiences of Online Learning During COVID-19, *Sage Journal*, Vol. 7, No. 1, 2021, pp. 1-15.
- [31] A. Revadekar, S. Oak, A. Gadekar, P. Bide, Gauging Attention of Students in an E-Learning

- Environment, Paper Presented at the 4th Conference on Information & Communication Technology (Cict), Chennai, India, 2020, pp. 3-5.
- [32] E. T. Özpölat, A Phenomenographic Study on Views About Entertaining and Boring Situations in Learning Process, *Int Educ Stud*, Vol. 13, No. 10, 2020, pp. 8-34.
- [33] R. Peng, J. Tao, Research on Jingdezhen Tiktok Tourism Marketing Based on Prac Laws. *Tourism Management and Technology Economy*, Vol. 6, No. 7, 2023, pp. 33-38.
- [34] J. Wang, M. Z. Wang, L. Lei, Longitudinal Links Among Paternal and Maternal Harsh Parenting, Adolescent Emotional Dysregulation and Short-Form Video Addiction. *Child Abuse Negl*, Vol. 141, 2023, pp. 106236, <https://doi.org/10.1016/j.chiabu>.
- [35] Y. C. Yeh, P. W. Wang, M. F. Huang, P. C. Lin, C. S. Chen, C. H. Ko, The Procrastination of Internet Gaming Disorder in Young Adults: The Clinical Severity, *Psychiatry Res*, Vol. 254, pp. 258-262, <https://doi.org/10.1016/j.psychres>, 2017, 04.055.
- [36] M. Csikszentmihalyi, *Beyond Boredom and Anxiety*, Jossey-Bass Publishers, San Francisco, 1975a.
- [37] M. Csikszentmihalyi, J. LeFevre, Optimal Experience in Work and Leisure, *J. Pers. Soc. Psychol*, Vol. 56, No. 5, 1989, pp. 815-822.
- [38] J. A. Ghani, S. P. Deshpande, Task Characteristics and The Experience of Optimal Flow in Human-Computer Interaction, *J. Psychol*, Vol. 128, No. 4, 1994, pp. 381-391.
- [39] T. L. Huang, S. L. Liao, Creating E-Shopping Multisensory Flow Experience Through Augmented-Reality Interactive Technology. *Internet Res*, Vol. 27, No. 2, 2017, pp. 449-475.
- [40] M. Csikszentmihalyi, *Flow: The Psychology of Optimal Experience*. Harpercollins, New York, Ny, 1990.
- [41] M. I. Argiropoulou, P. Vlachopanou, Studying Vs Internet Use 0–1: The Mediating Role of Academic Procrastination Between Flow and Problematic Internet Use Among Greek University Students, *J. Technol. Behav. Sci*, Vol. 6, No. 1, 2021, pp. 159-165.
- [42] S. J. B. Rokeach, M. Rokeach, J. W. Grube, *The Great American Values Test: Influencing Behavior and Belief Through Television*, Free Press, 1984.
- [43] C. S. Andreassen, S. Pallesen, M. D. Griffiths, The Relationship Between Addictive Use of Social Media, Narcissism, and Self-Esteem: Findings From a Large National Survey, *Addictive Behaviors*, Vol. 64, 2017, pp. 287-293, <http://dx.doi.org/10.1016/j.addbeh.2016.03.006>.
- [44] P. Steel, C. König, Integrating Theories of Motivation. *Academy of Management Review*, Vol. 31, No. 4, 2006, pp. 889-913.
- [45] G. Ainslie, *Picoeconomics: The Strategic Interaction of Successive Motivational States Within the Person*, New York: Cambridge University Press, 1992.
- [46] G. Ainslie, N. Haslam, *Hyperbolic Discounting*, In *Choice Over Time*, Edited by G. Loewenstein and J. Elster, New York: Russel Sage Foundation, 1992, pp. 57-92.
- [47] V. Vroom, *Work and Motivation*, New York: Wiley, 1964.
- [48] A. Tversky, D. Kahneman, *Advances in Prospect Theory: Cumulative Representation of Uncertainty*, *Journal of Risk and Uncertainty*, Vol. 5, 1992, pp. 297-323.
- [49] H. Murray, *Exploration in Personality*, New York: Oxford Univeristy Press, 1938.
- [50] P. E. Steel, T. Svartdal, T. Thundiyil, T. Brothen, Brothen, Examining Procrastination Across Multiple Goal Stages: A Longitudinal Study of Temporal Motivation Theory, *Frontiers in Psychology*, Vol. 9, No. 327, 2018, pp. 1-16.
- [51] P. Steel, The Nature of Procrastination: A Meta-Analytic and Theoretical Review of Quintessential Self-Regulatory Failure, *Psychol, Bull*, Vol. 133, 2007, pp. 65-94, <https://doi.org/10.1037/0033-2909>.
- [52] N. I. Adnan, S. Ramli, I. N. Ismal, *International Journal of Practices in Teaching and Learning*, Vol. 1, No. 2, 2021, pp. 1-6.
- [53] S. Solomon, *Incorporating Social Media into the Classroom: A Case Study on How Tiktok can Be Immersed into Classroom Pedagogy*, Master'S Thesis, Dominican University of California, Dominican Scholar, 2021.
- [54] J. P. Guo, L. Y. Yang, J. Zhang, Y. J. Gan, Academic Self-Concept, Perceptions of The Learning Environment, Engagement, And Learning Outcomes of University Students: Relationships and Causal Ordering. *Higher Education*, 2022, pp. 1-20.
- [55] J. H. Ye, Y. T. Wu, Y. F. Wu, M. Y. Chen, J. N. Ye, Effects of Short Video Addiction on the Motivation and Well-Being of Chinese Vocational College Students, *Frontiers in Public Health*, Vol. 10, 2022, pp. 847672.
- [56] M. Salehan, A. Negahban, *Social Networking on Smartphones: When Mobile Phones Become*

- Addictive, *Comput. Hum. Behav.*, Vol. 29, No. 6, 2013, pp. 2632-2639.
- [57] A. Fumero, R. J. Marrero, D. Voltes, W. Penate, Penate, Personal and Social Factors Involved in Internet Addiction Among Adolescents: A Meta-Analysis, *Computers in Human Behavior*, Vol. 86, 2018, pp. 387-400.
- [58] C. H. Andez, D. R. Ottenberger, M. Moessner, R. D. Crosby, B. Ditzen, Depressed and Swiping My Problems for Later: The Moderation Effect Between Procrastination And Depressive Symptomatology on Internet Addiction, *Comput. Hum. Behav.*, Vol. 97, 2019, pp. 1-9.
- [59] A. Thatcher, G. Wretschko, P. Fridjhon, Online Flow Experiences, Problematic Internet Use and Internet Procrastination, *Comput. Hum. Behav.*, Vol. 24, No. 5, 2008, pp. 2236-2254.
- [60] S. Caroline, K. Richard, J. V. Robert, Robert, Self-Regulation and Academic Procrastination, *J. Soc. Psychol.*, Vol. 135, 2010, pp. 607-619.
- [61] J. M. Bytamar, O. Saed, S. Khakpoor, Emotion Regulation Difficulties and Academic Procrastination, *Front. Psychol.*, Vol. 1, 2020, pp. 524588, <https://doi.org/10.3389/fpsyg>.
- [62] M. Balkis, Academic Procrastination, Academic Procrastination, Academic Life Satisfaction and Academic Achievement: The Mediation Role of Rational Beliefs About Studying, *J. Cogn. Behav. Psychother.*, Vol. 13, 2013, pp. 57-74.